TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/8/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Đình Hưng và Võ Thị Lệ
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến Hnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Đường Nguyễn Văn Linh, tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G. (Người bị Tòa án tuyên bố mất tích).

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Bá T trình bày:

Anh Nguyễn Bá T và chị Trần Thị H có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 26/12/2007. Trong thời gian chung sống, anh T và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, về làm ăn kinh tế, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc.

Chị H bỏ nH đi từ năm 2020 đến nay, anh T và gia đình đã nhiều lần đi tìm kiếm chị H nhưng không có tin tức gì. Anh T đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên bố chị Trần Thị H mất tích. Ngày 10/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã ra Quyết định số 01/2023/QĐST-VDS tuyên bố chị Trần Thị H mất tích. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng Hn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung tên: Nguyễn Chí Q, sinh ngày 27/11/2008.

Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu Q tHnh niên và tự lập được. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn chị Trần Thị H không trở về và đến Toà án để tham gia tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên toà.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp Hnh đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Bá T và chị Trần Thị H là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh T và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị H bỏ nH đi từ năm 2020, anh T và gia đình đã nhiều lần tìm kiếm chị H nhưng không có tin tức gì. Ngày 10/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã ra Quyết định số 01/2023/QĐST-VDS tuyên bố chị Trần Thị H mất tích. Anh T có đơn xin ly hôn, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H không đến Toà án để tham gia tố tụng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các tHnh viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị H không còn yêu thương chị H, không còn mong muốn chung sống cùng chị H nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung: Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn

Chí Q. Chị Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc giải quyết nuôi dưỡng con chung. Cháu Q có nguyện vọng được sống cùng anh T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cháu Nguyễn Chí Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q tHnh niên và có khả năng lao động tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Bá T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với chị Trần Thị H có địa chỉ tại tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá T và chị Trần Thị H qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chư Ty, huyện Đ, tỉnh G, vì vậy hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống với chị H, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị H.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các tHnh viên trong gia đình nhưng anh T và chị H không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, anh T không còn yêu thương chị H, không còn mong muốn chung sống cùng chị H nữa. Như vậy, anh T và chị H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện chị H không còn quan tâm tới quan hệ hôn nhân với anh T, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Chị H bỏ nH đi từ năm 2020, anh T và gia đình đã nhiều lần tìm kiếm chị H nhưng không có tin tức gì. Ngày 10/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã ban Hnh Quyết định số 01/2023/QĐST-VDS tuyên bố chị Trần Thị H mất tích. Vì vậy, anh T yêu cầu ly hôn

với chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 68 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung tên là: Nguyễn Chí Q, sinh ngày 27/11/2008. Cháu Q hiện đang sống cùng anh T. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu trưởng tHnh và tự lập được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Q đang còn nhỏ, cần phải có người chăm sóc, từ khi chị H bỏ nH đi tới nay, một mình anh T vẫn chăm sóc tốt cho cháu Q, chị H không thể hiện có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Q, anh T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu Q. Cháu Q cũng có nguyện vọng được sống cùng anh T. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Chí Q, sinh ngày 27/11/2008 cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q tHnh niên và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị H cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị H cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Bá T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;
- Điều 68 của Bộ luật dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Q hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá T được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Chí Q, sinh ngày 27/11/2008 cho anh Nguyễn Bá T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi cháu Q chưa tHnh niên, đã tHnh niên mà mất năng lực Hnh vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Bá T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nH nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005786, ngày 05/5/2023 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15/8/2023, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm..

Trường hợp Bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND TT Chư Ty;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đặng Anh Việt